TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 6 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc "*Ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1975 (*có mặt*).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966 (*vắng mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp Y, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 03 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N trình bày:

- Về hôn nhân: Qua mai mối, bà và ông Nguyễn Văn B tổ chức lễ cưới năm 2000 và đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2004 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông B uống bia rượu, không chí thú làm ăn tạo lập kinh tế gia đình, làm cho vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải kéo dài cho đến năm 2014 dẫn đến mất hạnh phúc. Nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B. Bản án dân sự sơ

thẩm số 82/2014/HNGĐ-ST ngày 16/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xử không chấp nhận cho ly hôn với lý do vợ chồng đang chung sống không có thời gian ly thân. Tuy nhiên, ông B vẫn không cải sửa, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Bà và ông B sống ly thân từ tháng 4/2014 đến nay không trở về đoàn tụ. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà và ông B có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 18/9/2002 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 31/10/2007. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con phù hợp với nguyện vọng của con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà và ông B không nợ chung ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn B đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Nhưng ông B đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, không giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông B đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp về ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Ông Nguyễn Văn B đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[3]. *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Ánh N và ông Nguyễn Văn B là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc ông B thường xuyên uống bia rượu, không chí thú làm ăn tạo lập kinh tế gia đình dẫn đến mất hạnh phúc. Năm 2014, Tòa án không chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông B, tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn tình

cảm. Tuy nhiên, ông B vẫn không cải sửa, vợ chồng có thời gian dài sống ly thân từ tháng 4/2014 đến nay không trở về đoàn tụ. Bà N xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với ông B. Đủ cơ sở kết luận, đời sống chung giữa bà N và ông B không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa bà N và ông B.

[4]. *Về con chung*: Bà N và ông B có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng G, sinh ngày 18/9/2002 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 31/10/2007. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu G và cháu A phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu G và cháu A cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng cho con. Căn cứ vào khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, ông B không trực tiếp nuôi con nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5]. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Do không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án.

[6]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết bà N phải chịu án phí ly hôn và được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ánh N và ông Nguyễn Văn B.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Hoàng G sinh ngày 18 tháng 9 năm 2002 và cháu Nguyễn Hoàng A sinh ngày 31 tháng 10 năm 2007 cho bà Nguyễn Thị Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị Ánh N không yêu cầu ông Nguyễn Văn B cấp dưỡng cho con.

2.3. Ông Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Ánh N phải nộp án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này bà N được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0011650 ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. (Đã ký)

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt bà Nguyễn Thị Ánh N là nguyên đơn. Vắng mặt ông Nguyễn Văn B là bị đơn. Báo cho bà N có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông B vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(*Đã ký*)

Cao Minh Tân